

Số: 22 /NQ-HĐND

Yên Hòa, ngày 09 tháng 02 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ YÊN HÒA
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ 5 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
Luật số 90/2025/QH15 ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Đầu tư công và các luật có liên quan;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước ngày 29 tháng 11 năm
2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình
chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội
đồng nhân dân xã Yên Hòa về việc cho ý kiến đối với dự kiến Kế hoạch đầu tư
công năm 2026 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030;

Xét Tờ trình số 231/TTr-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân xã Yên Hòa về thống nhất Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2026–2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế – Ngân sách Hội đồng nhân dân
xã; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–
2030**

Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030 của xã Yên
Hòa theo đề xuất của Ủy ban nhân dân xã tại Tờ trình số 231/TTr-UBND ngày 06
tháng 02 năm 2026.

Chi tiết nội dung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030 được thể hiện tại các phụ lục kèm theo Nghị quyết này; các phụ lục là bộ phận không tách rời của Nghị quyết.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã Yên Hòa căn cứ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030 được thông qua, tổ chức triển khai thực hiện, trong đó:

- Chủ động phối hợp, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành cấp tỉnh và các cơ quan liên quan xem xét, hỗ trợ, bố trí nguồn vốn cho các dự án theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn của xã;

- Chủ động lựa chọn các công trình, dự án đầu tư công trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng, có ý nghĩa thúc đẩy kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, gắn với các mục tiêu nhiệm vụ của xã trong giai đoạn 2026 – 2030 để thực hiện hàng năm đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn theo đúng trình tự, thủ tục; bảo đảm công khai, minh bạch, sử dụng vốn đầu tư công tiết kiệm, hiệu quả; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Yên Hòa khóa II, kỳ họp thứ năm (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 09 tháng 02 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các Ban, Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ngành cấp xã.
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Đình Hải

UBND XÃ YÊN HÒA

PHỤ LỤC: DANH MỤC CÔNG TRÌNH THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2026-2030

STT	Danh mục dự án (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng nhóm dự án)	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó, sử dụng NS xã và lồng ghép nguồn hợp pháp khác	Thời gian triển khai (năm)
I	2	3	4	5		
	TỔNG CỘNG		329.132	329.132	190.007	
I	Bổ trí vốn thực hiện các Chương trình MTQG (chương trình NTM, giảm nghèo bền vững, chương trình đất trồng lúa,...)		6.325	6.325		2026-2030
II	Bổ trí vốn trả nợ xây dựng cơ bản và các công trình chuyển tiếp		2.000	2.000	2.000	
I	Bổ trí trả nợ các công trình do UBND xã Cẩm Dương, UBND xã Yên Hòa cũ bàn giao		2.000	2.000	2.000	2026-2027
III	Bổ trí vốn phục vụ công tác GPMB các dự án	Giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm, các khu đầu giá hàng năm	10.000	10.000	10.000	2026-2030
IV	Bổ trí vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch (Lập mới, điều chỉnh các Quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng, sử dụng đất; Kế hoạch sử dụng đất hàng năm) và nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư	Lập mới quy hoạch chung xã sau sáp nhập; Lập quy hoạch chi tiết 1/500 đối với các công trình khởi công hàng năm, quy hoạch sử dụng đất và các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư theo quy định của pháp luật	6.350	6.350	6.350	2026-2030
V	Bổ trí vốn để thực hiện các chính sách theo NQ HĐND xã và đối ứng các cơ chế chính sách cấp trên	Bổ trí ngân sách để hỗ trợ các thôn để xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường, nương và chỉnh trang hạ tầng NTM (thông qua NQ về chính sách, các đề án chuyên ngành....)	22.800	22.800	22.800	
VI	Bổ trí vốn để xây dựng mới các công trình, dự án		271.657	271.657	138.857	
IV.1	Lĩnh vực giáo dục		71.400	71.400	8.600	
I	Xây dựng nhà đa năng, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường THCS Cẩm Dương	Đầu tư xây dựng mới nhà học đa năng 550m2, nhà hiệu bộ và thư viện 2 tầng, nhà vệ sinh giáo viên và học sinh, nhà để xe giáo viên và học sinh, nhà bảo vệ, cổng trường, hàng rào; nâng cấp, cải tạo hệ thống sân trường, nương thoát nước nội bộ 3.000m2	19.800	19.800	1.000	2026-2028

STT	Danh mục dự án (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng nhóm dự án)	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó, sử dụng NS xã và lồng ghép nguồn hợp pháp khác	Thời gian triển khai (năm)
2	Xây dựng bổ sung 02 dãy nhà học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Yên Hòa	Xây dựng mới nhà học 2 tầng 8 phòng với diện tích sàn 320m ² , hà học 2 tầng 6 phòng với diện tích sàn 280m ² nhằm hợp nhất cơ sở 2 về cơ sở 1; xây mới nhà bếp 250m ² , nâng cấp 1.000m ² sân trường, xây mới nhà xe giáo viên 200m ² và hệ thống công trình phụ trợ khác	19.900	19.900	1.000	2026-2028
3	Xây dựng bếp ăn, cải tạo nhà học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Cẩm Dương	Xây dựng mới bếp ăn 250m ² để phục vụ nhu cầu ăn bán trú, nâng cấp, cải tạo 4100 m ² sân, mương thoát nước, cải tạo 912m ² nền, mái trường hiện hữu	7.300	7.300	1.000	2026-2028
4	Xây dựng nhà học 2 tầng 10 phòng, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Cẩm Dương	Xây mới nhà học 2 tầng 10 phòng; nhà hiệu bộ 2 tầng và một số hạng mục phụ trợ khác	19.800	19.800	1.000	2026-2028
5	Xây dựng mái che di động, cổng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Yên Hòa	Xây dựng hệ thống mái che di động 540m ² , xây mới sân khấu, 01 cổng chính, sửa 01 mái nhà học bị xuống cấp và các hạng mục phụ trợ khác	2.800	2.800	2.800	2027-2029
6	Xây dựng mái che di động và các hạng mục phụ trợ trường THCS Yên Hòa	Trường THCS Yên Hòa hiện tại chưa có nhà học đa năng, yêu cầu bổ sung 01 mái che di động phục vụ các hoạt động tập thể với diện tích khoảng 540m ²	1.800	1.800	1.800	2027-2029
IV.2	Lĩnh vực Văn hóa, Y tế		2.817	2.817	2.817	
1	Nâng cấp, cải tạo chợ Phương, xã Yên Hòa	Cải tạo nâng cấp 01 đình chợ khoảng 350m ² , cải tạo số ký ốt hiện trạng, xây dựng mới 01 nhà vệ sinh và nâng cấp diện tích sân, hàng rào hiện trạng đảm bảo vệ sinh ATTP	1016,6	1.016,6	1.016,6	2026-2028
2	Xây dựng nhà xe, cải tạo sân và các hạng mục phụ trợ Trạm y tế Cẩm Dương, xã Yên Hòa	Xây dựng 01 nhà xe khoảng 200m ² , nâng cấp diện tích sân và các hạng mục phụ trợ cần thiết	1800	1.800	1.800	2027-2029
IV.3	Lĩnh vực Giao thông		139.448	139.448	84.348	
1	Nâng cấp đường Bắc Hòa đoạn từ đường 19/5 đến đường trục thôn Bắc - Phú - Mỹ	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo Quy cách Bnền=7,5m; Bmặt=5,5m chiều dài L=1,1Km	8.200	8.200	8.200	2026-2028

STT	Danh mục dự án (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng nhóm dự án)	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó, sử dụng NS xã và lồng ghép nguồn hợp pháp khác	Thời gian triển khai (năm)
2	Mở rộng đường TX-78 đoạn từ Đường liên thôn 01 đến huyện lộ ĐH.124	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo Quy cách đường Bnền=7,5m; Bmặt=5,5m. Chiều dài L=0,6Km	2.348	2.348	2.348	2026-2028
3	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính thôn Rạng Đông đoạn từ núi Trộn ra biển	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo Quy cách Bnền=7,0m; Bmặt=5,0m. Chiều dài L=1,364Km	12.800	12.800	3.800	2026-2028
4	Phục hồi nâng cấp mặt đường đường trục xã TX79	Thực hiện nâng cấp phục hồi mặt đường toàn tuyến đường TX79 dài khoảng 3,8km bằng thảm nóng, vật liệu Cacborcor	5.000	5.000	5.000	2028-2030
5	Nâng cấp, mở rộng Đường Trục xã TX-63 đoạn từ đường ĐH.125 đến thôn Hoàng Vân	Nâng cấp, cải tạo đường trục thôn TX-63 (Đường Cựa) đoạn từ ĐH 125 đến thôn Hoàng Vân, với quy cách đường Bnền=7,5m; Bmặt=5,5m, chiều dài L=2,2Km	17.000	17.000	5.000	2026-2028
6	Đường Cựa đoạn từ đường ĐH 124 đến đường ĐH125 (Cắm Nam-Cắm Dương)	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách Bnền=7,5m; Bmặt=5,5m L=2,2Km	19.600	19.600	5.000	2027-2029
7	Đường ĐH 124 đoạn từ đường Quốc lộ 15B đến đường liên xã LX-03	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo Quy cách Bnền=7,5m; Bmặt=5,5m với chiều dài L=2,0Km	18.000	18.000	18.000	2028-2030
8	Nâng cấp đường liên thôn Quý Hòa - Bắc Hòa đoạn từ đường trục xã TX-63 đến đường 19/5	Đường hiện trạng xuống cấp, chưa kết nối với đường 19/5 và kết nối với đường Bắc Hòa ra biển, tạo thuận lợi phát triển KTXH. Nâng cấp đường đảm bảo Quy cách đường Bnền=7,0m; bề rộng mặt đường Bmặt=3,5m; bề rộng lề gia cố Blgc=2 x 0,75=1,5m bề rộng lề đường Bld = 2x1,0m = 2,0m. Chiều dài L=1,3Km	12.000	12.000	12.000	2027-2029
9	Nâng cấp đường liên thôn Quý Hòa - Hồ Phượng đoạn từ đường trục xã TX-63 đến đường trục xã TX-79	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách bề rộng nền đường Bnền=7,0m; bề rộng mặt đường Bmặt=3,5m; bề rộng lề gia cố Blgc=2 x 0,75=1,5m bề rộng lề đường Bld = 2x1,0m = 2,0m. L=2,1Km	11.000	11.000	11.000	2026-2028

STT	Danh mục dự án (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng nhóm dự án)	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó, sử dụng NS xã và lồng ghép nguồn hợp pháp khác	Thời gian triển khai (năm)
10	Đường Liên Thôn Bắc-Phú -Mỹ đoạn từ Phú Hòa đến đường ĐH.124 kéo dài	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách bề rộng nền đường Bnền=6,5m; bề rộng mặt đường Bmặt=3,5m; bề rộng lề gĩa cố Blgc=2 x 0,75=1,5m bề rộng lề đường Bld = 2x0,75m = 1,5m L=1,3Km	8.000	8.000	3.000	2026-2028
11	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã LX-04 đoạn từ đường trục thôn Rạng Đông 1 đến đường trục thôn Rạng Đông 2	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách Bnền=6,5m; Bmặt=5,0 m L=0,7Km	6.000	6.000	6.000	2027-2029
12	Đường liên xã LX-02 đoạn từ đường ĐH.124 đến đường CT01 (đường Yên Lĩnh)	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách Bnền=7,5m; Bmặt=5,5m L=1,7Km	19.500	19.500	5.000	2027-2029
IV.4	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật		47.992	47.992	33.092	
1	Nâng cấp, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật và hệ thống chiếu sáng tuyến đường Quốc lộ 15B đoạn qua trung tâm xã Yên Hòa có chiều dài khoảng 1,5km; Bao gồm các hạng mục: hệ thống chiếu sáng, vỉa hè, cây xanh, mương thoát nước dọc tuyến và một số hạng mục phụ trợ khác	Nâng cấp, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật và hệ thống chiếu sáng tuyến đường Quốc lộ 15B đoạn qua trung tâm xã Yên Hòa có chiều dài khoảng 1,5km; Bao gồm các hạng mục: hệ thống chiếu sáng, vỉa hè, cây xanh, mương thoát nước dọc tuyến và một số hạng mục phụ trợ khác	19.900	19.900	5.000	2026-2028
2	Hệ thống cấp nước sạch thôn Yên Thành, Yên Quý	Chất lượng nước sinh hoạt trên địa bàn xã chưa đảm bảo. Xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho thôn Yên Thành, Yên Quý (kết nối từ xã Cẩm Quang cũ)	7.200	7.200	7.200	2026-2028
3	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư thôn Trung Tiến, Trung Dương	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bnền=6,0m; Bmặt=5,0m	1.500	1.500	1.500	2026-2028
4	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư vùng gần nhà ông Lượm, thôn Yên Giang	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bnền=7,0m; Bmặt=5,0m	823,7	823,7	823,7	2026-2028
5	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư thôn Phú Hòa, Mỹ Hòa	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bnền=7,0m; Bmặt=5,0m L=0,854Km	3.568,8	3.568,8	3.568,8	2026-2028

STT	Danh mục dự án (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng nhóm dự án)	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó, sử dụng NS xã và lồng ghép nguồn hợp pháp khác	Thời gian triển khai (năm)
6	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư vùng gần nhà ông Ty thôn Yên Mỹ	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bnền=6,0m; Bmặt=5,0m	1.500	1.500	1.500	2027-2029
7	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư vùng gần nhà ông Quảng, thôn Rạng Đông	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bnền=6,0m; Bmặt=5,0m	1.000	1.000	1.000	2027-2029
8	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước quy hoạch đất ở dân cư Vùng gần nhà văn hóa thôn Bắc Hòa	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bnền=6,0m; Bmặt=5,0m	2.000	2.000	2.000	2027-2029
9	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước quy hoạch đất ở dân cư Vùng gần trụ sở quân sự xã	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bnền=6,0m; Bmặt=5,0m	5.000	5.000	5.000	2027-2029
10	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước quy hoạch đất ở dân cư Vùng gần Trạm y tế Yên Hòa	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bnền=6,0m; Bmặt=5,0m	3.000	3.000	3.000	2027-2029
11	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước phía sau UBND xã và các trường học	Bổ sung tuyến đường giao thông nối đường giao thông hiện trạng 190m và bổ sung tuyến mương thoát nước phía sau khu hành chính dài 210m	1.500	1.500	1.500	2026-2028
12	Xây mới nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ UBND xã Yên Hòa	Xây dựng 01 nhà vệ sinh tại khuôn viên UBND xã đảm bảo việc sinh hoạt, hoạt động của cán bộ, công chức và công dân đến giao dịch	1.000	1.000	1.000	2026-2028
IV.5	Lĩnh vực Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, Phòng chống thiên tai		10.000	10.000	10.000	
1	Cầu qua kênh chính trên tuyến TX 78	Tăng cường khả năng thoát nước của khu vực xung quanh. Hiện trạng cầu nhỏ, xuống cấp	5.000	5.000	5.000	2027-2029
2	Cầu qua kênh chính trên tuyến TX 79	Tăng cường khả năng thoát nước của khu vực xung quanh. Hiện trạng cầu nhỏ, xuống cấp	5.000	5.000	5.000	2027-2029
VII	Dự phòng		10.000	10.000	10.000	

UBND XÃ YÊN HÒA

PHỤ LỤC: DANH MỤC DỰ KIẾN CÔNG TRÌNH THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2026-2030

STT	Danh mục dự án (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng nhóm dự án)	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó, sử dụng NS xã và lồng ghép nguồn hợp pháp khác	Thời gian triển khai (năm)
I	2	3	4	5		
	TỔNG CỘNG		568.583	568.583	317.750	
I	Bố trí vốn thực hiện các Chương trình MTQG (chương trình NTM, giảm nghèo bền vững, chương trình đất trồng lúa...)		6.325	6.325		2026-2030
II	Bố trí vốn trả nợ xây dựng cơ bản và các công trình chuyển tiếp		2.000	2.000	2.000	
I	Bố trí trả nợ các công trình do UBND xã Cẩm Dương, UBND xã Yên Hòa cũ bàn giao		2.000	2.000	2.000	2026-2027
III	Bố trí vốn phục vụ công tác GPMB các dự án	Giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm, các khu đầu giá hàng năm	10.000	10.000	10.000	2026-2030
IV	Bố trí vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch (Lập mới, điều chỉnh các Quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng, sử dụng đất; Kế hoạch sử dụng đất hàng năm) và nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư	Lập mới quy hoạch chung xã sau sáp nhập; Lập quy hoạch chi tiết 1/500 đối với các công trình khởi công hàng năm, quy hoạch sử dụng đất và các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư theo quy định của pháp luật	6.350	6.350	6.350	2026-2030
V	Bố trí vốn để thực hiện các chính sách theo NQ HĐND xã và đối ứng các cơ chế chính sách cấp trên	Bố trí ngân sách để hỗ trợ các thôn để xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường, nương và chỉnh trang hạ tầng NTM (thông qua NQ về chính sách, các đề án chuyên ngành...)	22.800	22.800	22.800	
VI	Bố trí vốn để xây dựng mới các công trình, dự án		511.108	511.108	266.600	
IV.1	Lĩnh vực giáo dục		71.400	71.400	8.600	
I	Xây dựng nhà đa năng, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường THCS Cẩm Dương	Đầu tư xây dựng mới nhà học đa năng 550m2, nhà hiệu bộ và thư viện 2 tầng, nhà vệ sinh giáo viên và học sinh, nhà để xe giáo viên và học sinh, nhà bảo vệ, công trường, hàng rào; nâng cấp, cải tạo hệ thống sân trường, nương thoát nước nội bộ 3.000m2	19.800	19.800	1.000	2026-2028

STT	Danh mục dự án (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng nhóm dự án)	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó, sử dụng NS xã và lồng ghép nguồn hợp pháp khác	Thời gian triển khai (năm)
2	Xây dựng bổ sung 02 dãy nhà học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Yên Hòa	Xây dựng mới nhà học 2 tầng 8 phòng với diện tích sàn 320m ² , hà học 2 tầng 6 phòng với diện tích sàn 280m ² nhằm hợp nhất cơ sở 2 về cơ sở 1; xây mới nhà bếp 250m ² , nâng cấp 1.000m ² sân trường, xây mới nhà xe giáo viên 200m ² và hệ thống công trình phụ trợ khác	19.900	19.900	1.000	2026-2028
3	Xây dựng bếp ăn, cải tạo nhà học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Cẩm Dương	Xây dựng mới bếp ăn 250m ² để phục vụ nhu cầu ăn bán trú, nâng cấp, cải tạo 4100 m ² sân, mương thoát nước, cải tạo 912m ² nền, mái trường hiện hữu	7.300	7.300	1.000	2026-2028
4	Xây dựng nhà học 2 tầng 10 phòng, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Cẩm Dương	Xây mới nhà học 2 tầng 10 phòng; nhà hiệu bộ 2 tầng và một số hạng mục phụ trợ khác	19.800	19.800	1.000	2026-2028
5	Xây dựng mái che di động, cổng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Yên Hòa	Xây dựng hệ thống mái che di động 540m ² , xây mới sân khấu, 01 công chính, sửa 01 mái nhà học bị xuống cấp và các hạng mục phụ trợ khác	2.800	2.800	2.800	2027-2029
6	Xây dựng mái che di động và các hạng mục phụ trợ trường THCS Yên Hòa	Trường THCS Yên Hòa hiện tại chưa có nhà học đa năng, yêu cầu bổ sung 01 mái che di động phục vụ các hoạt động tập thể với diện tích khoảng 540m ²	1.800	1.800	1.800	2027-2029
IV.2	Lĩnh vực Văn hóa, Y tế		23.900	23.900	23.900	
1	Nâng cấp, cải tạo chợ Phương, xã Yên Hòa	Cải tạo nâng cấp 01 đình chợ khoảng 350m ² , cải tạo số ký ốt hiện trạng, xây dựng mới 01 nhà vệ sinh và nâng cấp diện tích sân, hàng rào hiện trạng đảm bảo vệ sinh ATTP	1200,0	1.200,0	1.200,0	2026-2028
2	Xây dựng nhà xe, cải tạo sân và các hạng mục phụ trợ Trạm y tế Cẩm Dương, xã Yên Hòa	Xây dựng 01 nhà xe khoảng 200m ² , nâng cấp diện tích sân và các hạng mục phụ trợ cần thiết	1800	1.800	1.800	2027-2029
3	Hỗ trợ các thôn xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa thôn sau sáp nhập	Xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa các trụ sở nhà văn hóa thôn đáp ứng quy mô trên 150 chỗ ngồi sau sáp nhập	19.500	19.500	19.500	2027-2029
4	Nâng cấp, cải tạo sân vận động xã	Nâng cấp, cải tạo sân bóng UBND xã, các điểm vui chơi, giải trí đáp ứng nhu cầu thể dục thể thao xã	1.400	1.400	1.400	2026-2028

STT	Danh mục dự án (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng nhóm dự án)	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó, sử dụng NS xã và lồng ghép nguồn hợp pháp khác	Thời gian triển khai (năm)
IV.3	Lĩnh vực Giao thông		194.908	194.908	121.500	
1	Nâng cấp đường Bắc Hòa đoạn từ đường 19/5 đến đường trục thôn Bắc - Phú - Mỹ	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo Quy cách Bnên=7,5m; Bmặt=5,5m chiều dài L=1,1Km	8.200	8.200	8.200	2026-2028
2	Mở rộng đường TX-78 đoạn từ Đường liên thôn 01 đến huyện lộ ĐH.124	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo Quy cách Bnên=7,5m; Bmặt=5,5m. Chiều dài L=0,6Km	3.000	3.000	3.000	2026-2028
3	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính thôn Rạng Đông đoạn từ núi Trộn ra biển	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo Quy cách Bnên=7,0m; Bmặt=5,0m. Chiều dài L=1,364Km	12.800	12.800	3.800	2026-2028
4	Phục hồi nâng cấp mặt đường đường trục xã TX79	Thực hiện nâng cấp phục hồi mặt đường toàn tuyến đường TX79 dài khoảng 3,8km bằng thảm nóng, vật liệu Caeborcor	5.000	5.000	5.000	2028-2030
5	Nâng cấp, mở rộng Đường Trục xã TX-63 đoạn từ đường ĐH.125 đến thôn Hoàng Vân	Nâng cấp, cải tạo đường trục thôn TX-63 (Đường Cựa) đoạn từ ĐH 125 đến thôn Hoàng Vân, với quy cách đường Bnên=7,5m; Bmặt=5,5m, chiều dài L=2,2Km	17.000	17.000	5.000	2026-2028
6	Đường Cựa đoạn từ đường ĐH 124 đến đường ĐH125 (Cắm Nam-Cắm Dương)	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách Bnên=7,5m; Bmặt=5,5m L=2,2Km	19.600	19.600	5.000	2027-2029
7	Đường ĐH 124 đoạn từ đường Quốc lộ 15B đến đường liên xã LX-03	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo Quy cách Bnên=7,5m; Bmặt=5,5m với chiều dài L=2,0Km	18.000	18.000	18.000	2028-2030
8	Nâng cấp đường liên thôn Quý Hòa - Bắc Hòa đoạn từ đường trục xã TX-63 đến đường 19/5	Đường hiện trạng xuống cấp, chưa kết nối với đường 19/5 và kết nối với đường Bắc Hòa ra biển, tạo thuận lợi phát triển KTXH. Nâng cấp đường đảm bảo Quy cách đường Bnên=7,0m; bề rộng mặt đường Bmặt=3,5m; bề rộng lề gia cố Blgc=2 x 0,75=1,5m bề rộng lề đường Bld = 2x1,0m = 2,0m. Chiều dài L=1,3Km	12.000	12.000	12.000	2027-2029

STT	Danh mục dự án (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng nhóm dự án)	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó, sử dụng NS xã và lồng ghép nguồn hợp pháp khác	Thời gian triển khai (năm)
9	Nâng cấp đường liên thôn Quý Hòa - Hồ Phương đoạn từ đường trục xã TX-63 đến đường trục xã TX-79	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách bề rộng nền đường Bnền=7,0m; bề rộng mặt đường Bmặt=3,5m; bề rộng lề gia cố Blgc=2 x 0,75=1,5m bề rộng lề đường Bld = 2x1,0m = 2,0m. L=2,1Km	11.000	11.000	11.000	2026-2028
10	Đường Liên Thôn Bắc-Phú -Mý đoạn từ Phú Hòa đến đường ĐH.124 kéo dài	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách bề rộng nền đường Bnền=6,5m; bề rộng mặt đường Bmặt=3,5m; bề rộng lề gia cố Blgc=2 x 0,75=1,5m bề rộng lề đường Bld = 2x0,75m = 1,5m L=1,3Km	8.000	8.000	3.000	2026-2028
11	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã LX-04 đoạn từ đường trục thôn Rạng Đông 1 đến đường trục thôn Rạng Đông 2	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách Bnền=6,5m; Bmặt=5,0 m L=0,7Km	6.000	6.000	6.000	2027-2029
12	Đường liên xã LX-02 đoạn từ đường ĐH.124 đến đường CT01 (đường Yên Lĩnh)	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách Bnền=7,5m; Bmặt=5,5m L=1,7Km	19.500	19.500	5.000	2027-2029
13	Đường liên xã LX-02 đoạn từ đường CT01 đến giáp xã Đồng Tiến (đường Yên Lĩnh)	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách Bnền=7,5m; Bmặt=5,5m L=2,4Km	19.500	19.500	5.000	2026-2028
14	Nâng cấp, cải tạo đường trục xã TX-63 đoạn từ đường ĐH.124 đến xã Đồng Tiến	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách Bnền=9m; Bmặt=7m L=4,0Km; Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa và các hạng mục phụ trợ khác	30.000	30.000	30.000	2028-2030
15	Đường giao thông Nhân Hòa đoạn từ đường trục xã TX63 đến đồng Cò Chi	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách bề rộng nền đường Bnền=6m; bề rộng mặt đường Bmặt=3,5m; bề rộng lề gia cố Blgc=2 x 0,75=1,5m; bề rộng lề đường Bld = 2x0,5m = 1,0m L=0,4Km	5.308	5.308	1.500	2026-2028
IV.4	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật		195.700	195.700	99.400	
1	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc, hội trường và công trình phụ trợ tại trụ sở Đảng ủy- MTTQ	Sau bão số 5, số 10 năm 2025, hạ tầng phục vụ làm việc cho cán bộ công chức tại trụ sở Đảng ủy - MTTQ bị hư hỏng, thấm dột	2.400	2.400		2026-2028

STT	Danh mục dự án (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng nhóm dự án)	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó, sử dụng NS xã và lồng ghép nguồn hợp pháp khác	Thời gian triển khai (năm)
2	Xây dựng mới trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Yên Hòa và các hạng mục phụ trợ	Hiện tại, Đảng ủy, HĐND, UBND xã đang làm việc tại 2 vị trí cách xa nhau, khó khăn trong việc điều hành. Xây dựng 01 trụ sở làm việc với Quy mô 05 tầng, mỗi tầng 12 phòng, diện tích mỗi sân khoảng 320m ²	50.000	50.000	20.000	2026-2028
3	Xây mới 01 nhà làm việc Công an xã	Xây dựng bổ sung 01 nhà làm việc và công trình phụ trợ cho cán bộ công an xã, đảm bảo đủ quy mô phòng làm việc	6.000	6.000	2.000	2027-2029
5	Nâng cấp, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật và hệ thống chiếu sáng tuyến đường Quốc lộ 15B đoạn qua trung tâm xã Yên Hòa	Nâng cấp, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật và hệ thống chiếu sáng tuyến đường Quốc lộ 15B đoạn qua trung tâm xã Yên Hòa có chiều dài khoảng 1,5km; Bao gồm các hạng mục: hệ thống chiếu sáng, vỉa hè, cây xanh, mương thoát nước dọc tuyến và một số hạng mục phụ trợ khác	19.900	19.900	5.000	2026-2028
6	Hệ thống cấp nước sạch xã Yên Hòa	Chiều dài ống truyền tải 1,1km	55.000	55.000	10.000	2027-2029
7	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư thôn Trung Tiến, Trung Dương	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bề rộng=6,0m; Bmặt=5,0m	1.500	1.500	1.500	2026-2028
8	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư vùng gần nhà ông Lương, thôn Yên Giang	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bề rộng=7,0m; Bmặt=5,0m	1.000	1.000	1.000	2026-2028
9	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư thôn Phú Hòa, Mỹ Hòa	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bề rộng=7,0m; Bmặt=5,0m L=0,854Km	5.000	5.000	5.000	2026-2028
10	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư vùng gần nhà ông Ty thôn Yên Mỹ	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bề rộng=6,0m; Bmặt=5,0m	1.500	1.500	1.500	2027-2029
11	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư vùng gần nhà ông Quảng, thôn Rạng Đông	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bề rộng=6,0m; Bmặt=5,0m	1.000	1.000	1.000	2027-2029

STT	Danh mục dự án (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng nhóm dự án)	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó, sử dụng NS xã và lồng ghép nguồn hợp pháp khác	Thời gian triển khai (năm)
12	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước quy hoạch đất ở dân cư Vùng gần đường huyện lộ 123 thôn Minh Lạc, Yên Quý	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bnền=6,0m; Bmặt=5,0m	5.000	5.000	5.000	2027-2029
13	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước quy hoạch đất ở dân cư Vùng gần nhà văn hóa thôn Bắc Hòa	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bnền=6,0m; Bmặt=5,0m	2.000	2.000	2.000	2027-2029
14	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước quy hoạch đất ở dân cư Vùng gần trụ sở quân sự xã	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bnền=6,0m; Bmặt=5,0m	5.000	5.000	5.000	2027-2029
15	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước quy hoạch đất ở dân cư Vùng gần Trạm y tế Yên Hòa	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bnền=6,0m; Bmặt=5,0m	3.000	3.000	3.000	2027-2029
16	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư thôn Quý Hòa	Đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông, mương thoát nước tại vùng quy hoạch đất ở dân cư thôn Quý Hòa (gần khu vực trường MN Yên Hòa) với tổng diện tích 4ha	15.000	15.000	15.000	2026-2028
17	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư thôn Rạng Đông, Trung Đông	Đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông, mương thoát nước tại vùng quy hoạch đất ở dân cư thôn Rạng Đông, Trung Đông (gần nhà ông Sỹ) với tổng diện tích 5ha	19.900	19.900	19.900	2027-2029
18	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước phía sau UBND xã và các trường học	Bổ sung tuyến đường giao thông nối đường giao thông hiện trạng 190m và bổ sung tuyến mương thoát nước phía sau khu hành chính dài 210m	1.500	1.500	1.500	2026-2028
19	Xây mới nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ UBND xã Yên Hòa	Xây dựng 01 nhà vệ sinh tại khuôn viên UBND xã đảm bảo việc sinh hoạt, hoạt động của cán bộ, công chức và công dân đến giao dịch	1.000	1.000	1.000	2026-2028
IV.5	Lĩnh vực Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, Phòng chống thiên tai		25.200	25.200	13.200	
1	Cầu qua kênh chính trên tuyến TX 78	Tăng cường khả năng thoát nước của khu vực xung quanh. Hiện trạng cầu nhỏ, xuống cấp	5.000	5.000	5.000	2027-2029

STT	Danh mục dự án (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng nhóm dự án)	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó, sử dụng NS xã và lồng ghép nguồn hợp pháp khác	Thời gian triển khai (năm)
2	Cầu qua kênh chính trên tuyến TX 79	Tăng cường khả năng thoát nước của khu vực xung quanh. Hiện trạng cầu nhỏ, xuống cấp	5.000	5.000	5.000	2027-2029
2	Cải tạo trạm bơm thôn Hoàng Vân, Trung Đông	Nâng cấp 02 nhà trạm bơm hiện trạng đảm bảo nước tưới tiêu cho thôn Hoàng Vân, Trung Đông	200	200	200	2027-2029
3	Mương thoát lũ Bắc Hòa - Phú Hòa - Mỹ Hòa (từ điện năng lượng mặt trời ra biển)	Tăng cường khả năng thoát nước trong mùa mưa lũ, giảm thiểu sạt lở hai bên bờ khe.	15.000	15.000	3.000	2027-2029
VII	Dự phòng		10.000	10.000	10.000	

UBND XÃ YÊN HÒA

PHỤ LỤC: DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

STT	Danh mục dự án (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng nhóm dự án)	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	KH vốn năm 2026 (tr.đ)	Thời kỳ đầu tư
I	2	3	4	5	
	TỔNG CỘNG		290.983	105.725	
I	Bố trí vốn thực hiện các Chương trình MTQG (chương trình NTM, giảm nghèo bền vững, chương trình đất trồng lúa....)		6.325	6.325	2026-2030
II	Bố trí vốn trả nợ xây dựng cơ bản và các công trình chuyển tiếp		2.000	1.000	
1	Bố trí trả nợ các công trình do UBND xã Cẩm Dương, UBND xã Yên Hòa cũ bàn giao		2.000	1.000	2026-2027
III	Bố trí vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch (Lập mới, điều chỉnh các Quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng, sử dụng đất, Kế hoạch sử dụng đất hàng năm) và nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư	Lập mới quy hoạch chung xã sau sáp nhập; Lập quy hoạch chi tiết 1/500 đối với các công trình khởi công hàng năm, quy hoạch sử dụng đất và các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư theo quy định của pháp luật	6.350	1.900	2026-2030
	Lập quy hoạch chung xã Yên Hòa		1.700	900	2026-2027
	Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2026-2027, định hướng đến năm 2030		50	50	2026
	Lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch các dự án có liên quan và thực hiện nhiệm vụ đầu tư		950	950	2026-2028
IV	Bố trí vốn để thực hiện các chính sách theo NQ HĐND xã và đối ứng các cơ chế chính sách cấp trên	Bố trí ngân sách để hỗ trợ các thôn để xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường, mương và chỉnh trang hạ tầng NTM (thông qua NQ về chính sách, các đề án chuyên ngành....)	22.800	5.000	
VI	Bố trí vốn để xây dựng mới các công trình, dự án		251.508	89.500	
IV.1	Lĩnh vực giáo dục		66.800	20.000	
1	Xây dựng nhà đa năng, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường THCS Cẩm Dương	Đầu tư xây dựng mới nhà học đa năng 550m2, nhà hiệu bộ và thư viện 2 tầng, nhà vệ sinh giáo viên và học sinh, nhà để xe giáo viên và học sinh, nhà bảo vệ, công trường, hàng rào, nâng cấp, cải tạo hệ thống sân trường, mương thoát nước nội bộ 3.000m2	19.800	5.000	2026-2028

STT	Danh mục dự án (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng nhóm dự án)	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	KH vốn năm 2026 (tr.đ)	Thời kỳ đầu tư
2	Xây dựng bổ sung 02 dãy nhà học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Yên Hòa	Xây dựng mới nhà học 2 tầng 8 phòng với diện tích sàn 320m ² , hà học 2 tầng 6 phòng với diện tích sàn 280m ² nhằm hợp nhất cơ sở 2 về cơ sở 1; xây mới nhà bếp 250m ² , nâng cấp 1.000m ² sân trường, xây mới nhà xe giáo viên 200m ² và hệ thống công trình phụ trợ khác	19.900	5.000	2026-2028
3	Xây dựng bếp ăn, cải tạo nhà học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Cẩm Dương	Xây dựng mới bếp ăn 250m ² để phục vụ nhu cầu ăn bán trú, nâng cấp, cải tạo 4100 m ² sân, mương thoát nước, cải tạo 912m ² nền, mái trường hiện hữu	7.300	5.000	2026-2028
4	Xây dựng nhà học 2 tầng 10 phòng, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Cẩm Dương	Xây mới nhà học 2 tầng 10 phòng; nhà hiệu bộ 2 tầng và một số hạng mục phụ trợ khác	19.800	5.000	2026-2028
IV.2	Lĩnh vực Văn hóa, Y tế		2.600	1.600	
1	Nâng cấp, cải tạo chợ Phương, xã Yên Hòa	Cải tạo nâng cấp 01 đình chợ khoảng 350m ² , cải tạo số ký ốt hiện trạng, xây dựng mới 01 nhà vệ sinh và nâng cấp diện tích sân, hàng rào hiện trạng đảm bảo vệ sinh ATP	1200	800	2026-2028
2	Nâng cấp, cải tạo sân vận động xã	Nâng cấp, cải tạo sân bóng UBND xã, các điểm vui chơi, giải trí đáp ứng nhu cầu thể dục thể thao xã	1400	800	2026-2028
IV.3	Lĩnh vực Giao thông		84.808	39.700	
1	Nâng cấp đường Bắc Hòa đoạn từ đường 19/5 đến đường trục thôn Bắc - Phú - Mỹ	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo Quy cách Bnền=7,5m; Bmặt=5,5m chiều dài L=1,1Km	8.200	5.100	2026-2028
2	Mở rộng đường TX-78 đoạn từ Đường liên thôn 01 đến huyện lộ DH.124	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo Quy cách đường Bnền=7,5m; Bmặt=5,5m. Chiều dài L=0,6Km	3.000	1.800	2026-2028
3	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính thôn Rạng Đông đoạn từ núi Trộn ra biển	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo Quy cách Bnền=7,0m; Bmặt=5,0m. Chiều dài L=1,364Km	12.800	7.800	2026-2028
4	Nâng cấp, mở rộng Đường Trục xã TX-63 đoạn từ đường DH.125 đến thôn Hoàng Vân	Nâng cấp, cải tạo đường trục thôn TX-63 (Đường Cự) đoạn từ DH 125 đến thôn Hoàng Vân, với quy cách đường Bnền=7,5m; Bmặt=5,5m, chiều dài L=2,2Km	17.000	7.000	2026-2028
5	Nâng cấp đường liên thôn Quý Hòa - Hồ Phương đoạn từ đường trục xã TX-63 đến đường trục xã TX-79	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách bề rộng nền đường Bnền=7,0m; bề rộng mặt đường Bmặt=3,5m; bề rộng lề gia cố Blgc=2 x 0,75=1,5m bề rộng lề đường Bld = 2x1,0m = 2,0m. L=2,1Km	11.000	5.000	2026-2028

STT	Danh mục dự án (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng nhóm dự án)	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	KH vốn năm 2026 (tr.đ)	Thời kỳ đầu tư
6	Đường Liên Thôn Bắc-Phú -Mỹ đoạn từ Phú Hòa đến đường DH.124 kéo dài	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách bề rộng nền đường Bnền=6,5m; bề rộng mặt đường Bmặt=3,5m; bề rộng lề gia cố Blgc=2 x 0,75=1,5m bề rộng lề đường Bld = 2x0,75m = 1,5m L=1,3Km	8.000	3.000	2026-2028
7	Đường liên xã LX-02 đoạn từ đường CT01 đến giáp xã Đồng Tiến (đường Yên Lĩnh)	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách Bnền=7,5m; Bmặt=5,5m L=2,4Km	19.500	7.000	2026-2028
8	Đường giao thông Nhân Hòa đoạn từ đường trục xã TX63 đến đồng Cỏ Chi	Đường hiện trạng xuống cấp. Nâng cấp đường đảm bảo quy cách bề rộng nền đường Bnền=6m; bề rộng mặt đường Bmặt=3,5m; bề rộng lề gia cố Blgc=2 x 0,75=1,5m; bề rộng lề đường Bld = 2x0,5m = 1,0m L=0,4Km	5.308	3.000	2026-2028
IV.4 Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật					
1	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc, hội trường và công trình phụ trợ tại trụ sở Đảng ủy- MTTQ	Sau bão số 5, số 10 năm 2025, hạ tầng phục vụ làm việc cho cán bộ công chức tại trụ sở Đảng ủy - MTTQ bị hư hỏng, thấm dột	2.400	2.400	2026-2028
2	Xây dựng mới trụ sở làm việc Đảng ủy - UBND - UBND xã Yên Hòa và các hạng mục phụ trợ	Hiện tại, Đảng ủy, HĐND, UBND xã đang làm việc tại 2 vị trí cách xa nhau, khó khăn trong việc điều hành. Xây dựng 01 trụ sở làm việc với Quy mô 05 tầng, mỗi tầng 12 phòng, diện tích mỗi sàn khoảng 320m2	50.000	5.000	2026-2028
3	Nâng cấp, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật và hệ thống chiếu sáng tuyến đường Quốc lộ 15B đoạn qua trung tâm xã Yên Hòa	Nâng cấp, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật và hệ thống chiếu sáng tuyến đường Quốc lộ 15B đoạn qua trung tâm xã Yên Hòa có chiều dài khoảng 1,5km; Bao gồm các hạng mục: hệ thống chiếu sáng, vỉa hè, cây xanh, mương thoát nước dọc tuyến và một số hạng mục phụ trợ khác	19.900	7.000	2026-2028
4	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư thôn Trung Tiến, Trung Dương	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bnền=6,0m; Bmặt=5,0m	1.500	900	2026-2028
5	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư vùng gần nhà ông Lương, thôn Yên Giang	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bnền=7,0m; Bmặt=5,0m	1.000	600	2026-2028
6	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư thôn Phú Hòa, Mỹ Hòa	Đầu tư hệ thống đường, mương thoát nước theo quy hoạch chi tiết được duyệt để phục vụ đầu giá, với quy cách đường Bnền=7,0m; Bmặt=5,0m L=0,854Km	5.000	3.100	2026-2028

STT	Danh mục dự án (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng nhóm dự án)	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	KH vốn năm 2026 (tr.đ)	Thời kỳ đầu tư
7	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư thôn Quý Hòa	Đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông, mương thoát nước tại vùng quy hoạch đất ở dân cư thôn Quý Hòa (gần khu vực trường MN Yên Hòa) với tổng diện tích 4ha	15.000	7.000	2026-2028
8	Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước phía sau UBND xã và các trường học	Bổ sung tuyến đường giao thông nội đường giao thông hiện trạng 190m và bổ sung tuyến mương thoát nước phía sau khu hành chính dài 210m	1.500	1.200	2026-2028
9	Xây mới nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ UBND xã Yên Hòa	Xây dựng 01 nhà vệ sinh tại khuôn viên UBND xã đảm bảo việc sinh hoạt, hoạt động của cán bộ, công chức và công dân đến giao dịch	1.000	1.000	2026-2028
IV.5	Lĩnh vực Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, Phòng chống thiên tai		0	0	
VII	Dự phòng		2.000	2.000	